

## **Xây dựng nhà - Dung sai - Từ vựng - Thuật ngữ chung**

### ***Building construction - Tolerances - Vocabulary - General terms***

#### **1. Phạm vi và lĩnh vực áp dụng**

Tiêu chuẩn này gồm định nghĩa của các thuật ngữ chung cần thiết cho việc nghiên cứu, yêu cầu kĩ thuật và sử dụng các sai số kích thước cho phép dùng trong xây dựng nhà.

#### **2. Các điều kiện vật lí chuẩn**

Về nguyên tắc, việc công bố các điều kiện vật lí chuẩn phải được phối hợp với mọi thuộc tính kích thước định lượng.

#### **3. Thuật ngữ và định nghĩa (xem thêm phần phụ lục)**

##### **3.1. Thuật ngữ liên quan đến kích thước**

##### **3.1.1. Kích thước (đại lượng vật lí) - dimension (physical quantity)<sup>(1)</sup>**

Độ lớn của một vật thể hoặc một không gian theo một hướng đã chỉ (thí dụ chiều dài, chiều rộng, chiều cao, chiều sâu, đường kính) hoặc dọc theo một đường đã cho (thí dụ chu vi).

##### **3.1.2. Kích cỡ (giá trị bằng số) - size (numerical value)**

Thể hiện một kích thước bằng một đơn vị xác định.

##### **3.1.3. Kích cỡ đối chứng<sup>(1)</sup> - reference size**

Kích cỡ được quy định trong thiết kế từ đó tính ra các sai lệch.

##### **3.1.4. Kích cỡ chuẩn - target size**

Kích thước đối chứng mà các sai lệch so với nó một cách lí tưởng phải bằng 0.

##### **3.1.5. Kích cỡ thực tế - actual size**

Kích cỡ thu được đo đạc (sau khi chỉnh sửa các sai số đo đạc đã biết).

##### **3.1.6. Giới hạn kích cỡ, trên và dưới - limits of size, upper and lower**

Kích cỡ lớn nhất và nhỏ nhất tại đó hoặc là kích cỡ thực tế nằm giữa hai giá trị đó.

##### **3.1.7. Sai số cho phép (đại lượng vật lí) - tolerance (physical quantity)**

Sai lệch cho phép của kích cỡ.

*Chú thích : Mỗi khi sai số cho phép được biểu thị bằng một giá trị thì người ta dùng thuật ngữ chuyên sâu hơn là "bề rộng của dung sai".*

---

(1) Xem thêm TCVN 5557 : 1991 đến TCVN 5560 : 1991.

3.1.8. Bề rộng của dung sai (giá trị bằng số) - tolerance width (numerical value)  
Giá trị tuyệt đối của hiệu số giữa các giới hạn kích cỡ.

3.1.9. Giá trị dung sai - tolerance range

Tất cả các kích cỡ nằm giữa các giới hạn kích cỡ.

*Chú thích : Giá trị dung sai có thể được thể hiện bằng giới hạn kích cỡ hoặc bằng kích cỡ đối chứng và sai lệch cho phép.*

3.1.10. Sai lệch - deviation

Hiệu số số học giữa kích cỡ và kích cỡ đối chứng tương ứng.

3.1.11. Sai lệch cho phép, trên và dưới - permitted deviation, upper and lower

Các hiệu số số học giữa các giới hạn kích cỡ và kích cỡ đối chứng tương ứng.

3.1.12. Sai lệch thực tế - actual deviation

Hiệu số số học giữa kích cỡ thực tế và kích cỡ đối chứng.

3.2. Thuật ngữ liên quan đến việc đặt một điểm

3.2.1. Vùng dung sai (của 1 điểm) - tolerance zone (of a point)

Thể tích hoặc diện tích bao bọc vị trí chuẩn cho trong thiết kế và điểm thực tế tương ứng phải nằm trong đó.

3.2.2. Thể tích dung sai (của một phần tử)<sup>(1)</sup> - tolerance volume (of an element)

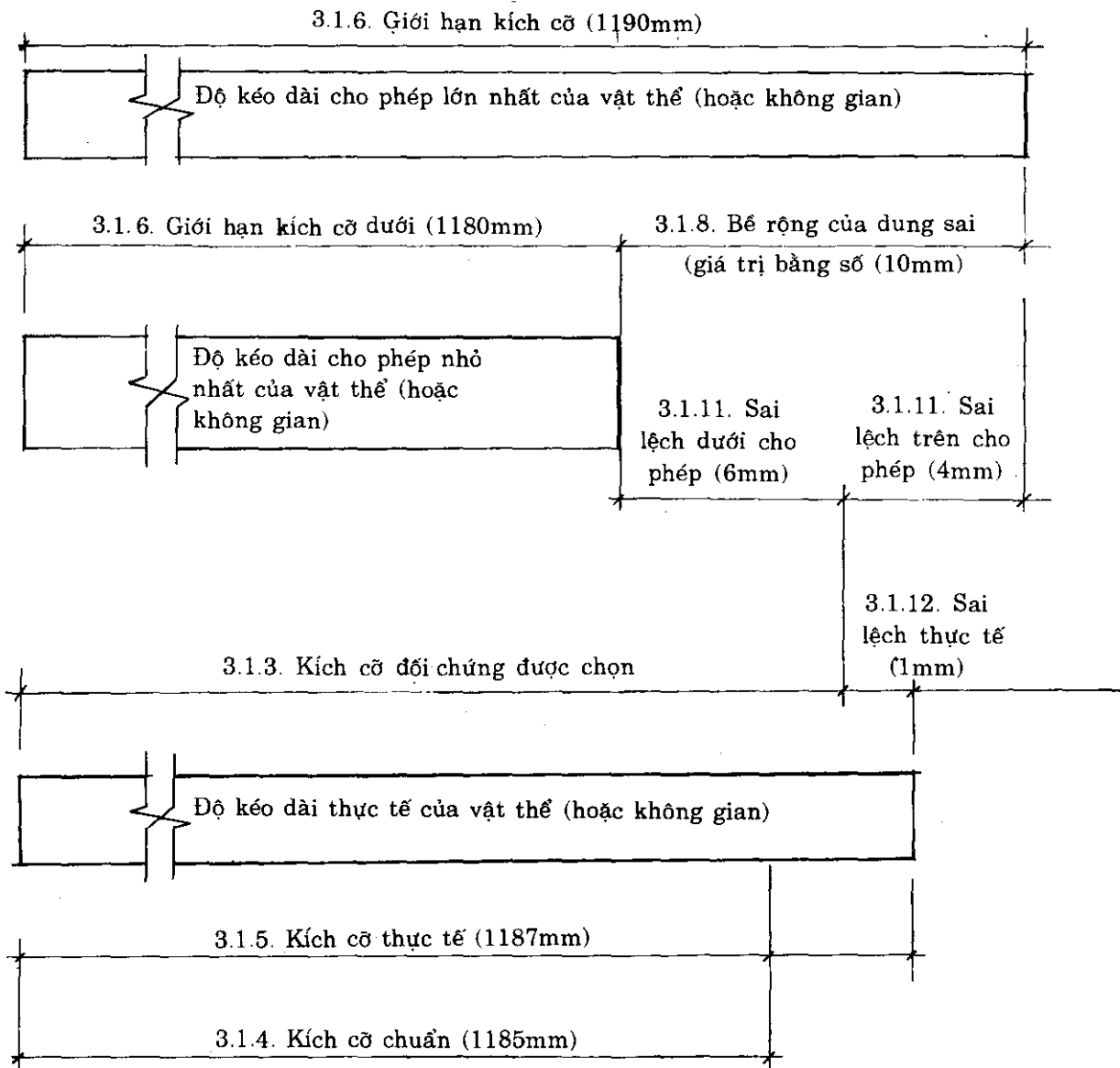
Thể tích bao quanh các vùng dung sai của tất cả các điểm trên các bề mặt của một phần tử.

---

(1) Một phần tử có thể là một bộ phận, một đồ vật hoặc một kết cấu.

**Phụ lục**  
**Minh họa về sử dụng thuật ngữ**

Hình vẽ dưới đây biểu thị một thí dụ về phương pháp trình bày trong đó dung sai có thể được xác định. Hình vẽ minh họa việc sử dụng một số thuật ngữ được định nghĩa trong tiêu chuẩn này. Các thí dụ về kích cỡ được cho trong ngoặc.



*Chú thích : Trong thí dụ dùng cho trường hợp tổng quát này các sai lệch cho phép không đối xứng với kích cỡ chuẩn. Tuy nhiên các sai lệch cho phép thường rất hay đối xứng*